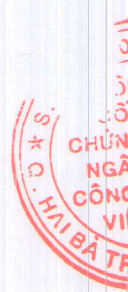


**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hạ Quang Vũ	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Hồng Sơn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Khổng Phan Đức	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Anh Đức	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trần Mạnh Trung	Ủy viên
Ông Đỗ Linh Phương	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Thúy Hà	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)

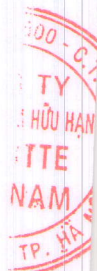
Ban Tổng Giám đốc

Ông Khổng Phan Đức	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Linh Phương	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Thị Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bạch Nguyễn Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Giang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Không Phan Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Số: 61 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2015 từ trang 4 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		587.431.254.937	476.819.722.790
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	407.974.595.852	272.255.464.714
1. Tiền	111		275.974.595.852	205.255.464.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		132.000.000.000	67.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	68.277.874.693	35.043.768.318
1. Đầu tư ngắn hạn	121		69.161.983.352	36.073.213.615
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(884.108.659)	(1.029.445.297)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	9	110.349.718.320	168.917.570.473
1. Phải thu khách hàng	131		161.600.000	274.850.000
2. Trả trước cho người bán	132		1.555.000.646	1.540.585.252
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	10	102.714.841.618	161.300.073.047
4. Các khoản phải thu khác	138	11	5.918.276.056	5.802.062.174
IV. Hàng tồn kho	140		64.063.511	60.490.056
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		765.002.561	542.429.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		684.702.561	531.229.229
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		80.300.000	11.200.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		662.719.457.362	662.458.472.882
I. Tài sản cố định	220		42.587.289.340	43.420.289.225
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	5.195.531.726	5.675.245.014
- Nguyên giá	222		25.617.410.387	25.617.410.387
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.421.878.661)	(19.942.165.373)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	37.391.757.614	37.745.044.211
- Nguyên giá	228		52.283.929.722	52.283.929.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.892.172.108)	(14.538.885.511)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	7	599.789.444.166	600.268.692.099
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		606.801.960.002	606.801.960.002
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.012.515.836)	(6.533.267.903)
III. Tài sản dài hạn khác	260		20.342.723.856	18.769.491.558
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.746.622.280	8.673.389.982
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	12.596.101.576	10.096.101.576
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.250.150.712.299	1.139.278.195.672

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	MÃ SỐ B 01a-CTCK	
			30/6/2015	31/12/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		297.043.784.039	213.282.469.410
I. Nợ ngắn hạn	310		294.583.385.805	211.642.220.599
1. Phải trả người bán	312		2.174.872.072	1.166.530.373
2. Người mua trả tiền trước	313		1.079.920.000	744.170.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	5.427.804.936	7.804.303.822
4. Phải trả người lao động	315		5.318.170.628	10.046.099.252
5. Chi phí phải trả	316		1.227.272.727	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.095.752.063	1.066.080.218
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	263.209.754.142	182.222.479.321
8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		6.921.558.396	2.657.950.264
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.686.621.280	4.532.696.900
10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		1.441.659.561	1.401.910.449
II. Nợ dài hạn	330		2.460.398.234	1.640.248.811
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		2.460.398.234	1.640.248.811
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		953.106.928.260	925.995.726.262
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	953.106.928.260	925.995.726.262
1. Vốn điều lệ	411		789.934.000.000	789.934.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.273.512.734	6.273.512.734
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		17.501.025.834	14.178.547.272
4. Cổ phiếu quỹ	414		(255.742.104)	(255.742.104)
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.501.025.834	14.178.547.272
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		122.153.105.962	101.686.861.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.250.150.712.299	1.139.278.195.672



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-CTCK
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2015	31/12/2014
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	19.980.000.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	11.880.995.880.000	8.145.158.750.000
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	3.873.039.150.000	5.267.731.070.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	7.243.480.000	10.436.470.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	3.863.641.400.000	5.255.257.050.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	2.154.270.000	2.037.550.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	38.784.320.000	36.819.260.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	38.784.320.000	36.819.260.000
6.3. Chứng khoán cầm cố	017	7.640.126.290.000	2.512.421.990.000
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	7.640.126.290.000	2.512.421.990.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	133.598.630.000	97.867.650.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	8.009.500.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	125.589.130.000	97.867.650.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	2.478.660.000	2.725.890.000
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	200.000	110.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	2.478.460.000	2.725.780.000
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	192.968.830.000	227.592.890.000
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	192.968.830.000	227.592.890.000
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	197.209.010.000	126.052.900.000
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	197.207.510.000	126.052.900.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	3.460.000	4.140.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	197.184.050.000	126.028.760.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	20.000.000	20.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	1.500.000	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	1.500.000	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	110.686.990.000	110.686.990.000

Huy

Bùi Diệu Thúy
Người lập

Phan Hải Sâm

Phan Hải Sâm
Kế toán trưởng



Phan Đức

Phan Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	01		99.091.452.786	75.970.340.116
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		13.210.882.115	25.162.924.276
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		32.897.761.894	29.727.930.403
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		12.170.454.545	1.710.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		26.342.126.307	3.014.761.022
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.288.567.007	2.184.308.829
Doanh thu khác	01.9		11.181.660.918	14.170.415.586
2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01)	10		99.091.452.786	75.970.340.116
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	40.618.357.978	24.920.400.621
4. Lãi gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		58.473.094.808	51.049.939.495
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	15.919.358.575	12.353.918.474
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30		42.553.736.233	38.696.021.021
7. Thu nhập khác	31		2.817.394	235.593.727
8. Chi phí khác	32		-	2.000.000
9. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.817.394	233.593.727
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		42.556.553.627	38.929.614.748
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	7.702.428.030	7.844.772.632
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		34.854.125.597	31.084.842.116
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	441	400



Huy

Phan Hải Sâm



Khổng Phan Đức

Bùi Diệu Thúy
Người lập

Phan Hải Sâm
Kế toán trưởng

Khổng Phan Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B03a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	42.556.553.627	38.929.614.748
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	832.999.885	2.268.613.603
Các khoản dự phòng	03	333.911.295	(53.388.081)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(36.732.984.107)	(32.132.317.456)
Chi phí lãi vay	06	-	8.750.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.990.480.700	9.021.272.814
Thay đổi các khoản phải thu	09	58.719.815.276	(68.079.742.824)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.573.455)	13.279.636
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	52.575.748.784	53.702.884.072
Thay đổi chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	773.294.370	1.092.799.512
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(8.750.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(7.772.436.565)	(10.480.376.073)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.148.694.229	680.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.237.093.448)	(7.329.943.448)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	103.194.929.891	(21.388.576.311)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(94.480.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	234.992.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(445.000.000.000)
4. Tiền thu hồi vốn cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	340.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(36.051.482.145)	(71.831.153.800)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	47.064.362.408	72.823.397.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	36.511.320.984	35.745.287.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	32.524.201.247	(68.121.956.563)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B03a-CTCK
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được
- 2. Tiền chi trả nợ gốc vay

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)

Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
33	-	15.000.000.000
34	-	(15.000.000.000)
40	-	-
50	135.719.131.138	(89.510.532.874)
60	272.255.464.714	454.567.304.014
70	<u>407.974.595.852</u>	<u>365.056.771.140</u>

Huy

Phan Hải Sâm



Khổng Phan Đức

Bùi Diệu Thúy
 Người lập

Phan Hải Sâm
 Kế toán trưởng

Khổng Phan Đức
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

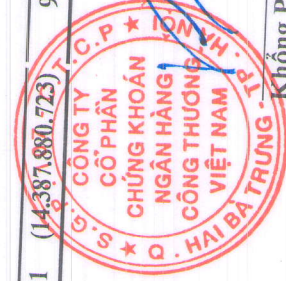
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 05a-CTCK
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ				
	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014		Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015		Số dư cuối kỳ			
		01/01/2014	30/6/2014	Tăng	Giảm		Tăng	Giảm	
Vốn điều lệ	18	789.934.000.000	-	-	-	-	789.934.000.000	30/6/2014	30/6/2015
Thặng dư vốn cổ phần	18	1.920.020.630	-	-	-	-	1.920.020.630	789.934.000.000	6.273.512.734
Vốn khác của chủ sở hữu	18	10.916.698.457	3.261.848.815	-	3.322.478.562	-	14.178.547.272	14.178.547.272	17.501.025.834
Cổ phiếu quỹ	18	(8.989.300.000)	-	-	-	-	(8.989.300.000)	(8.989.300.000)	(255.742.104)
Quỹ dự phòng tài chính	18	10.916.698.457	3.261.848.815	-	3.322.478.562	-	14.178.547.272	14.178.547.272	17.501.025.834
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18	95.153.747.087	31.084.842.116	(13.294.420.244)	34.854.125.597	(14.387.880.723)	112.944.168.959	112.944.168.959	122.153.105.962
		899.851.864.631	925.995.726.262	37.608.539.746	(13.294.420.244)	41.499.082.721	(14.387.880.723)	924.165.984.133	953.106.928.260

[Signature]

Bùi Diệu Thúy
Người lập



Phan Hải Sâm
Kế toán trưởng

Khổng Phan Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính